TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST
Ngày 19/6/2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Minh

2. Ông Đào Xuân Tìm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 297/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31/5/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện K, tỉnh Hải Dương; có mặt.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện K, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

3. Người làm chứng:

3.1. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1947; địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

3.2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện K, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Th trình bày: Anh Th và chị Nguyễn Thị H kết hôn vào ngày 05/9/2011, trên cơ sở tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Anh chị chung sống hòa thuận được khoảng 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp nhau về suy nghĩ, cách sống. Chị H có biểu hiện quan hệ nam nữ bên ngoài, nhưng anh không có chứng cứ cụ thể. Chị H luôn giục anh làm đơn ly hôn. Đầu năm 2018, chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã N sinh sống. Anh chị sống ly thân nhau từ đó. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống cùng nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn được. Anh đề nghị được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Về điều kiện và hoàn cảnh kết hôn đúng như anh Th đã trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng như anh Th trình bày là không đúng. Lý do vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, mâu thuẫn về kinh tế, anh Th luôn tỏ ra khó chịu đối với chị vì chị làm được ít tiền, anh chị thường xuyên to tiếng với nhau, anh Th hay xúc phạm chị, có lần còn đánh chị. Đầu năm 2018, chị đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh Th cũng như gia đình anh Th không ai đến tìm, hoặc động viên chị về đoàn tụ, cũng không chu cấp gì cho con chung. Vì lý do đó, chị cũng đã từng làm đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án. Sau đó, chị nghĩ đến các con nên đã rút đơn, không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa. Nay, anh Th xin ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung: Anh Th và chị H có hai con chung là Nguyễn Phương A, sinh ngày 27/5/2012 và Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 23/4/2015. Hiện hai cháu đang ở với chị H. Chị H có quan điểm xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, chị tự nguyện không yêu cầu anh Th cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh Th nhất trí yêu cầu của chị H.

Về tài sản chung: Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H có đơn đề nghị chia tài sản chung của vợ chồng, gồm: Tiền mặt 100.000.000 đồng; ti vi trị giá 22.000.000 đồng; 01 tấn thóc trị giá 8.000.000 đồng; bát đũa trị giá 3.000.000 đồng; 01 xe máy trị giá 35.000.000 đồng. Tổng trị giá là 190.000.000 đồng. Tòa án đã thông báo cho chị H phải nộp tiền tạm ứng án phí về chia tài sản chung, nhưng chị H không nộp. Tòa án đã ra thông báo trả lại đơn yêu cầu chia tài sản chung của chị H theo quy định.

Ông Nguyễn Văn H là bố đẻ của chị H trình bày: Ông là bố đẻ của chị H, vào tháng 3/2018 âm lịch, anh Th đã đuổi chị H và các con đi, chị H đã về nhà ông sinh sống từ ngày 05/3/2018 âm lịch. Sau đó, đến cuối tháng 01/2019, chị H đã đi lao động lại Malaixia. Địa chỉ cụ thể của chị H như thế nào, gia đình ông

không nắm được. Trước khi đi, chị H có ý kiến được nuôi hai con và đã nhờ ông bà chăm sóc con giúp chị H. Hiện vợ chồng ông đang nuôi hai con hộ chị H, gia đình ông luôn tạo điều kiện về chỗ ăn ở, sinh hoạt và trông nom con giúp chị H khi chị H không có nhà.

Ngày 10/4/2019, Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an có Văn bản cung cấp: Chị Nguyễn Thị H có thông tin xuất cảnh ngày 24/01/2019 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập chị H đến tham gia phiên tòa nhưng chị H vắng mặt. Tòa án đã quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ chị H đến phiên tòa, nhưng tại phiên tòa hôm nay chị H vẫn vắng mặt.

Tại phiên toà, anh Th giữ nguyên quan điểm như trên. Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng thủ tục tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và Lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn Th được ly hôn chị Nguyễn Thị H. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 27/5/2012 và Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 23/4/2015. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Anh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Th và chị Nguyễn Thị H kết hôn vào năm 2011, việc kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn theo luật định, được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống đến tháng 5/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn về kinh tế gia đình. Anh chị đã tự cắt đứt

quan hệ về tình cảm và kinh tế. Anh Th xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị xin được ly hôn, chị H nhất trí. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Th và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Toà án chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn Th xin được ly hôn chị Nguyễn Thị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh Th và chị H có hai con chung là Nguyễn Phương A, sinh ngày 27/5/2012 và Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 23/4/2015. Hai cháu do chị H và ông bà ngoại *(bố mẹ chị H)* trực tiếp nuôi dưỡng từ khi anh chị sống ly thân. Chị H xin được nuôi dưỡng cả hai cháu. Anh Th nhất trí. Cháu Phương Anh có ý kiến xin được ở với chị H. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển ổn định của các cháu, Toà án giao cho chị H được nuôi dưỡng hai con chung đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Hoa về việc không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H có đơn đề nghị chia tài sản chung của vợ chồng, tổng trị giá là 190.000.000 đồng, nhưng không nộp tiền tạm ứng án phí về chia tài sản chung. Vì vậy, Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Sau này, anh Th hoặc chị H có yêu cầu chia tài sản chung, Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Anh Th có đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn Th được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 27/5/2012 và cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 23/4/2015 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Án phí: Anh Nguyễn Văn Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là

300.000 đồng theo biên lai số: AA/2017/0003817 ngày 13/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Anh Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Uỷ ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Sơn